

**Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm**

**Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Tinh Hoa**

Chủ giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Địa điểm: Giảng Đường Hoa Nghiêm Malaysia

Thời gian: Ngày 7 Tháng 1 Năm 2010

**Tập 14**

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn thứ nhất trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

***Kinh văn: “Tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung”.***

Trong phần trước, chúng tôi đã dùng hai tiếng đồng hồ để giảng đoạn kinh văn này, hàm nghĩa của đoạn kinh văn này sâu rộng vô lượng, bất luận là pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian, đều phải bắt đầu từ lễ kính. Câu: “*Đại Sĩ chi đức*”, chính là Thập Đại Nguyên Vương. Thập Đại Nguyên Vương chính là tổng cương lĩnh vô lượng hạnh nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Ở Trung Hoa, vào thời cổ xưa lão tổ tông, từ “*tam hoàng, ngũ đế*”, đã chỉ dạy cho chúng ta khiêm nhường và cung kính. Câu đầu tiên trong sách Lễ Ký có nói: “*Khúc lễ viết, vô bất kính*”, nghĩa là hoàn toàn giống câu: “*Lễ kính chư Phật*”, nhưng trong kinh Phật giải thích được rất tường tận, giải thích được rất là thấu triệt. Chúng ta lại xem những tôn giáo khác, gần đây chúng tôi đã biên soạn một cuốn sách tựa đề là Tôn Giáo Thế Giới Là Một Nhà, trong quyển sách này chúng tôi đã chọn những kinh điển của mười đại tôn giáo, bất luận tôn giáo nào, họ cũng đem lễ kính đặt vào hạng tu học quan trọng nhất, do đây mới biết “*lễ kính chư Phật*” rất là quan trọng. Chúng ta cần phải hiểu rõ hàm nghĩa của chư Phật. Trong kinh có nói, tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, hữu tình tức nay chúng ta gọi là động vật. Động vật đều có sự phản ứng cảm tình rất rõ rệt, gọi là hữu tình chúng sanh, hữu tình chúng sanh có phân biệt, có chấp trước. Loại thứ hai là vô tình chúng sanh, thật tại mà nói, sự phản ứng của nó chậm chạp một chút, không được rõ rệt, giống như là thực vật, thực

vật cũng có phản ứng. Còn khoáng vật, các nhà khoa học hiện nay cũng đã chứng minh khoáng vật cũng có phản ứng, thế nhưng, chẳng dễ gì phát giác được sự phản ứng của nó, phải dùng máy móc khoa học để thăm dò thì mới biết được sự phản ứng của nó. Có thể nói, nó không kém hơn hữu tình chúng sanh.

Phật nói vô tình chúng sanh có pháp tánh, hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, Phật có nghĩa là giác ngộ, cũng tức có sự phản ứng rõ rệt. Thực vật và khoáng vật, cho đến hiện tượng thiên nhiên, vì sao gọi là hiện tượng thiên nhiên cũng là chúng sanh? Vì nó cũng là do chúng duyên hòa hợp mà sanh ra, phạm là những hiện tượng do chúng duyên hòa hợp mà sanh ra, thấy đều gọi là chúng sanh, phạm vi của chúng sanh rất là rộng lớn. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có nói “*tình dữ vô tình*”, tức là hữu tình và vô tình, đến sau cùng “*đồng viên chủng trí*”. Viên là viên mãn, chủng trí tức là Nhất Thiết Chủng Trí, chúng ta mới biết Phật đã chứng được Nhất Thiết Chủng Trí, Bồ Tát mà chúng được Nhất Thiết Chủng Trí gọi là thành Phật, thành Phật quả cứu cánh viên mãn. Do đây mới biết, chúng ta đối với hữu tình chúng sanh phải lễ kính, và đối với vô tình chúng sanh cũng phải cung kính như cung kính Phật vậy. Tại sao chúng ta phải cung kính vô tình chúng sanh? Trong sách Đệ Tử Quy có một đoạn nói về “*Cẩn*”, tức là cẩn thận, trong cẩn thận chính là cung kính.

Phải cung kính vô tình, như trong nhà chúng ta tiếp xúc đến, trong nhà chúng ta dùng những thứ gia cụ như bàn, ghế, cũng là vô tình, chúng ta đối với nó, phải lễ kính như thế nào? Chẳng phải mỗi ngày cúi đầu lễ lạy nó, đó là quý vị hoàn toàn đã làm sai rồi, mà phải dùng tâm cung kính đối xử với nó, là phải lau cho sạch sẽ, xếp cho ngay ngắn, đây chính là chúng ta đối với nó cung kính. Sạch sẽ, ngay ngắn, cách làm này chính là hạnh Phổ Hiền, đơn giản mà nói, đức hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ là đức hạnh khắp pháp giới, quý vị đã nghe giảng bộ luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán thì biết được, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán có nói ba thứ châu biến, thứ nhất là châu biến pháp giới, nghĩa là đức hạnh của Bồ Tát rộng khắp pháp giới. Hiền tức là trong Tứ Đức nói chánh trực, nhu hòa, nếu nói tường tận thì nói: “*Điều, Nhu, Thiện, Thuận*”, bốn chữ này. “*Điều, Nhu, Thiện, Thuận*” là Hiền, Điều chúng ta thường nói điều giải, tức hóa giải, điều cái gì? Chẳng có đối lập, chẳng có

mâu thuẫn, chẳng có xung đột, được gọi là Điều, khiến cho tâm tánh và tánh đức của mình hoàn toàn tương ứng. Nhu là nhu hòa, tức thái độ xử thế, đối người của chúng ta. Thiện là hiền lương, Thuận là tùy thuận, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, được gọi là Hiền, hiền có đủ bốn đức này. Bốn đức này rộng khắp pháp giới, gọi là Phổ Hiền Bồ Tát.

Vậy thì chúng ta phải nhớ kỹ, trong phần trước đã có nói, Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền chẳng thể viên thành Phật đạo. Đạt đến viên thành Phật đạo này, từ trên cứu cánh mà nói, là quả vị Diệu Giác, còn theo thông thường mà nói, là Sơ Trụ Bồ Tát, tức Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tức là đức hạnh của Phổ Hiền viên mãn. Do đây mới biết, tất cả cư dân ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu, tất cả cư dân ở Cực Lạc thế giới, ai nấy đều là tu đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ, hay nói cách khác, tất cả mọi người đều có đủ bốn đức “*Điều, Nhu, Thiện, Thuận*”. Nay chúng ta phát nguyện phải cầu vãng sanh về Cực Lạc thế giới, thì tu bốn đức này rất quan trọng, đức hạnh rộng khắp pháp giới, cái đức đó là đức gì? Chính là bốn chữ “*Điều, Nhu, Thiện, Thuận*”. Thời thời khắc khắc điều thuận tâm thái của mình, nhất định phải tương ứng với tánh đức. Chúng ta nói tánh đức, ở Trung Hoa là nói luân thường, là nói tứ duy, bát đức, đây là tiêu chuẩn. Nếu triển khai ra, chính là Đệ Tử Quy, tại trong Phật pháp chính là Thập Thiện Nghiệp.

Tam quy là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của điều thuận, là phương châm chỉ đạo chung, tam quy là gì? Tam quy là Giác, Chánh, Tịnh. Phật là Giác mà không mê, Pháp là Chánh mà không tà, Tăng là Tịnh mà không nhiễm, hay nói cách khác, thời thời khắc khắc cổ đức thường nói “*không sợ khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Niệm, là phàm phu đương nhiên có vọng niệm, nhất định là có, nếu chẳng có họ chẳng phải phàm phu. Khởi niệm không sợ, đó là gì? Đó là tập khí, nó nhất định sẽ khởi dậy. Sợ là sợ cái gì? Là sợ quý vị giác ngộ quá chậm, niệm đầu tiên khởi dậy, niệm thứ hai liền giác ngộ, đây là giác ngộ. Niệm thứ nhất là tham, sân, si, niệm thứ hai là A Di Đà Phật, giác được mau, niệm thứ hai là kéo nó trở về, gọi là Giác, đây là thật sự có công phu. Niệm niệm liên tục, chẳng để cho nó mất niệm, hễ mất niệm thì vọng niệm xen vào, tức là nói giác ngộ quá chậm. Hễ vọng niệm xen vào liên tục không ngừng, toàn là vọng niệm, tức phiền não đã khởi hiện hành. Phải giác

ngộ mau, phiền não không khởi hiện hành, mãi mãi duy trì được chánh niệm, vậy là đúng rồi. Đây đều thuộc về lễ kính.

Đối với pháp tánh cung kính, đối với vạn sự, vạn vật cung kính, cho nên sáu căn duyên với cảnh giới, bất luận là hoàn cảnh vật chất hoặc là hoàn cảnh nhân sự, nhất định phải đem nó điều thuận đến tiêu chuẩn, cũng tức là phải tương ứng với Đệ Tử Quy. Tương ứng với Đệ Tử Quy chính là tương ứng ngũ luân, tương ứng với ngũ thường, tương ứng với tứ duy, bát đức. Trong nội tâm mãi mãi duy trì khiêm nhường và cung kính, tự mình luôn luôn khiêm nhường, đối với mọi người, mọi việc, mọi vật cung kính, bình đẳng mà cung kính, đây chính là học theo Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính chư Phật. Chẳng những trong Phật pháp bắt đầu học từ lễ kính, mà chúng ta nhìn thấy trong quyển kinh Nhật Tụng, quyển kinh Nhật Tụng là hội tập các kinh, chú và giới luật để tiện cho chúng ta đọc tụng trong cuộc sống hằng ngày, luôn luôn nhắc nhở mình. Khóa tụng buổi sáng là nhắc nhở mình không quên những lời giáo huấn của Phật, phải y giáo phụng hành. Khóa tụng buổi tối là phản tỉnh, là kiểm điểm mình, ta trong suốt ngày hôm nay, có làm được những lời giáo huấn của Phật dạy hay không? Đã làm được thì rất tốt, hy vọng ngày mai tiếp tục làm, không làm được thì phải cải tiến, ngày mai không phạm như cái lỗi hôm nay, đó gọi là chân sám hối. Trong nghi thức khóa tụng, thường đọc đến câu: “*Nhất tâm cung kính, nhất tâm đảnh lễ*”, thường đọc đến hai câu này, nhất tâm chính là hạnh Phổ Hiền. Tại vì sao? Vì nhất tâm là tâm bình đẳng, tâm bình đẳng là chân tâm.

Quý vị nên biết, khởi tâm động niệm là tâm không bình đẳng, khởi tâm là sóng gió, nếu là có phân biệt, chấp trước lại càng không bình đẳng, đó là gió lớn, sóng lớn, bình đẳng là chân tâm. Cho nên quý vị nên biết, Phật tại trong kinh luận nói với chúng ta rằng, thập pháp giới là quả báo, quả đương nhiên có nhân, nhân thì quá nhiều, trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Vô lượng nhân duyên*”, đây là sự thật. Trong vô lượng nhân duyên, cái nhân duyên nào quan trọng nhất? Cái nhân duyên chủ yếu, quý vị phải tìm ra nó, ví như chúng ta trồng trọt, chúng ta trồng cây ăn trái, trồng rau cải, nhân duyên cũng rất phức tạp. Cái nhân duyên nào quan trọng nhất? Hạt giống quang trọng nhất. Những nhân duyên khác đều đầy đủ nhưng nếu không có hạt giống, nó chẳng thể mọc

ra, cho nên hạt giống là quan trọng nhất.

Bình đẳng là hạt giống thành Phật. Chúng ta muốn thành Phật, vậy thì trong cuộc sống phải tu tâm bình đẳng, trong công việc, trong xử thế, đối người, tiếp vật, khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, luôn luôn giữ tâm bình đẳng. Thế nhưng quý vị nên biết, nếu quý vị khởi tâm bình đẳng, là đã không bình đẳng rồi vì bình đẳng là không khởi tâm, không động niệm, là bình đẳng. Hễ khởi lên ý niệm sẽ chẳng bình đẳng, điều này chẳng dễ gì làm được. Nói là đã không dễ, đương nhiên làm lại càng không dễ làm. Cái diệu của pháp môn Tịnh Tông chính là diệu ở câu A Di Đà Phật, đem tất cả ý niệm đều quy về câu A Di Đà Phật, thật ra câu A Di Đà Phật này cũng là một cái vọng niệm. Thế nhưng, cái vọng niệm này có lợi ích, vì sao có lợi ích? Vì có thể đi đến Cực Lạc thế giới, thấy được A Di Đà Phật, khi đến Cực Lạc thế giới thấy được A Di Đà Phật, rồi mới buông bỏ câu A Di Đà Phật này. Chỉ có phương pháp này, nếu không dùng phương pháp này, chúng ta chẳng thể đi đến Cực Lạc thế giới, chẳng thấy được A Di Đà Phật, không thấy được A Di Đà Phật, nhất định thấy được lục đạo luân hồi, chúng ta không thể chẳng biết điều này. Cho nên công đức niệm Phật, chẳng những là vô cùng thù thắng mà vi diệu đến tột bậc, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh có nói, vi diệu đến mức độ nào? Thù thắng như thế nào? Ngài thường nói, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột.

Ngài nói được rất đúng, chỉ có thật sự thành Phật mới hiểu rõ, hay nói cách khác, Thập Địa Bồ Tát và Đẳng Giác Bồ Tát, tuy biết nó rất ráo nhưng họ không hoàn toàn thấu triệt hiểu rõ. Tại vì sao? Vì là chân lý nói không ra, chân tướng sự thật cũng nói không ra. Phật nói với chúng ta rằng, lời nói là có giới hạn, là có phạm vi nhất định, nếu vượt ngoài phạm vi sẽ nói không ra. Cho nên lời nói có giới hạn, chẳng những lời nói có giới hạn mà tư duy của quý vị cũng có giới hạn, sự tưởng tượng của quý vị cũng có phạm vi, cái phạm vi này lớn hơn lời nói, nhưng nó không cứu cánh. Bất luận là lý hay là sự, khi nói đến chỗ rót ráo, quý vị chẳng có cách nào tưởng tượng được, cho nên Phật tại trong kinh thường dùng hai câu để thuyết minh là “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*”, đây cũng là chân tướng sự thật.

Nói không ra tức là “*ngôn ngữ đạo đoạn*”, tự quý vị dùng tâm tưởng

tượng đề mà lãnh hội, cũng chẳng được, gọi là “*tâm hành xứ diệt*”. Nay chúng ta đã học giáo pháp Đại Thừa hiểu được trong giáo pháp Đại Thừa có nói, ý thức thứ sáu, mà phạm vi hoạt động của ý thức trong tám thức là rộng nhất, cũng cực kỳ nhạy bén, nó có thể duyên, tức là nó có thể tưởng tượng được khắp pháp giới, hư không giới, nó cũng có thể duyên tới đó, nhưng nó không thể duyên tới tự tánh. Bên trong nó có thể duyên tới A Lại Da Thức, bên ngoài nó có thể duyên tới hư không pháp giới, nhưng nó không thể duyên tới tự tánh, gọi là “*tâm hành xứ diệt*”. Mà tự tánh là gì? Tự tánh chính là thật tướng của các pháp, thật tướng của các pháp chính là minh tâm kiến tánh.

Nay chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, có thể đạt đến cảnh giới này hay không? Có thể. Thế nhưng, người thật sự đạt đến cảnh giới này thì là rất ít, từ xưa đến nay, chư đại đức trong Tịnh Tông chúng ta đạt đến cảnh giới này không nhiều. Cảnh giới này là gì? Là Lý nhất tâm bất loạn, trong Tịnh Độ Tông gọi là Lý nhất tâm bất loạn, trong Thiền Tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, còn trong Giáo Hạ gọi là đại khai viên giải, tuy danh tướng có khác nhau nhưng cảnh giới và ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Cho nên niệm Phật có thể thành Phật, nay nói niệm Phật thành Phật, nghĩa là công phu niệm Phật thật sự đã thành tựu, không nhất định đến Tây Phương Cực thế giới thành Phật, nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ ở tại cõi này thành Phật. Còn như chẳng đạt đến tiêu chuẩn này, chúng ta phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, khi đến Cực Lạc thế giới lại tiếp tục niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, bảo đảm quý vị chẳng bao giờ bị đọa lạc, chẳng bao giờ đi sai đường.

Cho nên pháp môn Tịnh Tông thù thắng hơn những pháp môn khác là ở chỗ này, không dễ gì gặp được pháp môn này. Đây là nói rõ, nhất tâm là hạnh Phổ Hiền, nhất tâm là tâm bình đẳng, nhị tâm là có phân biệt, tam tâm là không cung kính. Thông thường chúng ta nói tam tâm nhị ý, tam tâm nhị ý là thuật ngữ của Phật giáo, tam tâm là gì? Trong pháp Tướng Tông nói là tâm, ý, thức. Tâm là A Lại Da Thức, Ý là Mạc Na Thức, Thức là ý thức thứ sáu, đây là gì? Là vọng tâm, chẳng phải chân tâm. Nay chúng ta huân tu Phật pháp Đại Thừa nhiều năm, tuy chưa có chứng đắc nhưng chúng ta đã hiểu rõ, Phật tại trong kinh có nói rất rõ ràng, chúng ta đã hiểu rõ, y theo trong kinh điển mà tu học. Tam tâm từ đâu mà có? Tam tâm là từ trong chân tâm mà có, vậy chân tâm

từ đâu mà có? Là từ trong mê, khi mê thì chân tâm biến thành A Lại Da Thức, trong A Lại Da Thức xuất hiện những hiện tượng này.

Hiện nay trong khoa học và triết học, đều thảo luận nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của sanh mạng và nguồn gốc của vạn vật, trong kinh Phật có nói rất thấu triệt. Nguồn gốc là gì? Nguồn gốc là một niệm không giác, vì sao lại có một niệm không giác? Nguyên nhân gì có một niệm không giác? Một niệm không giác chẳng có nguyên nhân, trong một niệm không giác chẳng có thời gian, trong một niệm không giác cũng chẳng có không gian, càng nói càng huyền diệu, nhưng đây là chân tướng sự thật. Cho nên Phật gọi một niệm không giác là vô minh, quý vị nên biết, minh là tự tánh, là bản lai diện mục của tự tánh, bản lai diện mục vốn là quang minh, cho nên trong Phật pháp gọi là Đại Quang Minh Tạng, tức là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đó chính là tự tánh. Một niệm không giác tức là đã mất cái minh, thì trở thành vô minh, nó vốn là minh, nay trở thành vô minh.

Người Hoa chúng ta cũng biết được, trong sách Đại Học có nói: “*Minh minh đức*”, minh đức là một danh từ, minh đức là gì? Thì giống như trong kinh Phật nói “*đại quang minh tạng*”, là một bầu quang minh, trong bầu quang minh cái gì cũng chẳng có, bên trong không có hiện tượng vật chất cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, đó là tự tánh, thế nhưng một niệm không giác, nó trở thành vô minh. Lão tử tông chúng ta nói “*minh minh đức*”, bởi vì minh đức là chẳng minh cho nên cộng thêm chữ minh gọi là “*minh minh đức*”. Minh đức là chẳng minh, phải cộng thêm chữ minh mới đúng, nếu minh đức là minh, lại cộng thêm chữ minh cũng trở thành vô minh, cũng như trên đây cộng thêm đầu, nói được rất đúng.

Ba cương lĩnh trong sách Đại Học là: “*Minh minh đức, Thân dân, Chỉ u chí thiện*”, câu này rất khó giảng, dùng Phật pháp để giảng sẽ chẳng khó, nếu không dùng Phật pháp sẽ rất khó giảng. Từ xưa đến nay, có người nào giảng được câu này rõ ràng minh bạch hay không? “*Thân dân*” là ý nghĩa gì? “*Chỉ u chí thiện*” là ý nghĩa gì? Theo trong Phật pháp mà nói Thân dân, Dân là vạn dân, giảng rộng ra là vạn vật, tức trong kinh Hoa Nghiêm nói “*tinh và vô tinh*”. Thân là một thể, một thể mới là thân, khắp pháp giới, hư không giới cùng với mình là một thể. “*Chỉ u chí thiện*” là gì? Trong Hoàn Nguyên Quán nói Tứ

Đức, đó mới thật là chí thiện. Nhị dụng và tam chủng châu biến đều nói một thể, đem cái này để giải thích ba cương lĩnh trong Đại Học, thì Đại Học và kinh Hoa Nghiêm, cảnh giới đều bình đẳng, đây là tiên sĩ Thang Ân Tử có nói, tâm rộng lớn của người Hoa có thể bao dung không đồng văn hóa.

Phật giáo của Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, người Hoa đã tiếp nhận, sau khi tiếp nhận, đích thật đã phong phú cho nền văn minh của bản thổ. Nho giáo và Đạo giáo là của bản thổ, đã phong phú cho nền văn minh của bản thổ, nói được rất đúng, rất có lý. Đem Phật pháp để giải thích là đã nâng cao Nho giáo và Đạo giáo, có thể nói được như vậy hay không? Có thể. Tại vì sao? Vì Phật pháp là nói đến rốt ráo, rốt ráo là bình đẳng, chẳng có một pháp nào là không bình đẳng. Nói đến chỗ rốt ráo của lễ kính, chính là nhất tâm, chẳng thể dùng tam tâm nhị ý, chúng ta đối với mọi người phải lễ kính, trong sự lễ kính mà còn có tam tâm nhị ý thì chưa đạt đến nhất tâm. Cho nên quý vị thấy biểu pháp trong Phật giáo, lễ kính thông thường là chấp tay. Chấp tay có nghĩa là gì? Mười ngón tay, nếu không chấp tay thì là tán loạn, phải đem tán loạn hợp thành một, đây chính là nhất tâm, nhất tâm chính là lễ kính, chấp tay là ý nghĩa này. Cho nên hai bàn tay nhất định phải hợp lại, có nghĩa là nhất tâm, chúng ta đối với ý nghĩa chấp tay đã hiểu rồi, chấp tay là tỏ ra nhất tâm. Nhất tâm đương nhiên nhất định phải có khiêm nhường. Trong Dịch Kinh có sáu mươi bốn quẻ, mỗi một quẻ cũng có kiết, cũng có hung, chỉ có một quẻ có kiết, chẳng có hung, quẻ đó chính là quẻ Khiêm. Quẻ Khiêm, cái tượng đó là “*địa sơn*”, quý vị thường thấy núi ở trên mặt đất, còn quẻ Khiêm là gì? Là đất ở trên núi, gọi là Khiêm, rất có ý nghĩa. Cho nên khi chúng ta xử thế, đối người, tiếp vật, chúng ta phải dùng tâm khiêm nhường, cung kính. Bất cứ lúc nào, chỗ nào, luôn luôn giữ gìn cái tâm khiêm nhường, quý vị sẽ được kiết lợi. Khiêm nhường là biểu hiện hành vi của kiết lợi, nếu quý vị bị oan khức, quý vị bị hàm oan, lại bị người khác làm nhục, quý vị có nhẫn hay không? Phải nhẫn, vẫn phải nhẫn. Quý vị thấy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta, Ngài bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể, Ngài cũng phải nhẫn, thậm chí bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể còn ghê gớm hơn cách làm nhục đó, có hay không? Có. Hiện nay gọi là ngược đãi tinh thần. Quý vị là người thiện, người tốt, quý vị luôn luôn nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn, luôn luôn nghĩ đến chánh pháp



trụ lâu dài, quý vị hiếu kính cha mẹ, phụng sự sư trưởng mà vẫn bị làm nhục, có nên chịu lấy hay không? Phải chịu lấy. Tại sao phải chịu lấy? Có hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất là tiêu trừ nghiệp chướng đời trước và đời này của mình, cho nên phải chịu lấy. Nguyên nhân thứ hai là vì thế gian này, trong Phật pháp tức trong kinh Hoa Nghiêm có nói, vì tất cả chúng sanh khổ nạn trong khắp pháp giới, hư không giới, phải chịu lấy.

Điều sau cùng trong Tứ Đức là “*Thay chúng sanh khổ*”, quý vị thấy, điều đầu tiên trong Tứ Đức là “*Tùy duyên diệu dụng*”, điều thứ hai là “*Có đủ oai nghi*”, phải làm tấm gương cho người khác xem, điều thứ ba là “*Nhu hòa ngay thẳng*”, đây là nói thái độ xử thế, làm người, bên ngoài nhu hòa, nội tâm ngay thẳng tức là thành khẩn. Điều sau cùng là “*Thay chúng sanh khổ*”, điều này chính là dạy cho quý vị, khi gặp phải nghịch cảnh ác duyên, quý vị phải nhẫn, gặp phải thuận cảnh thuận duyên, vẫn phải nhẫn. Thuận cảnh thuận duyên thì dễ khởi lòng tham ái, nghịch cảnh ác duyên thì dễ sanh tâm sân giận và oán hận, cho nên cũng phải nhẫn, hiệu quả của đức khiêm nhường, chẳng thể nghĩ bàn. Có thể nhẫn tâm mới được bình đẳng, có thể nhẫn mới trở về đến nhất tâm, đây là trong suốt một đời hành đạo của chư Phật, Bồ Tát và tổ sư đại đức. Các Ngài làm tấm gương cho chúng ta xem, chúng ta phải hiểu được, phải noi theo Phật, Bồ Tát mà tu hành, mà học tập. Nhất định phải hiểu rõ hai chữ tu hành này, Hành là hành vi, khởi tâm động niệm là hành vi, lời nói là hành vi, việc làm là hành vi, hành vi đã phạm sai lầm, phải đem nó tu chỉnh lại, đó gọi là tu hành.

Cho nên tu hành, tu ở đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày, tu khi khởi tâm động niệm, tu trong lời nói việc làm, gọi là chân tu hành. Nếu rời khỏi môi trường, quý vị tu ở đâu? Người chân tu hành, chẳng phải tu trong núi sâu, chẳng phải tu trong hang đá, cũng chẳng phải nhập thất bế quan. Người chân tu hành phải sống chung với người thế gian, ở trong thế gian này tu luyện công phu, luyện đến khi nào không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì thành Phật. Nhưng chúng ta cũng thấy có người tu trong động, ở trong hang đá, cũng có người ở am tranh, họ ở cách xa thành thị, cách xa làng mạc. Họ chẳng ở làng mạc, họ tìm một chỗ không có người đến, họ ở đó tu hành. Đó có phải là tu hành hay không? Đó là công phu tu

hành của họ đã thành tựu rồi, họ chẳng cần tiếp xúc với người thế gian. Đó là công phu gì? Vì công phu tu hành của họ đã thành tựu, nếu công phu chưa có thành tựu mà muốn nhập thất bế quan, mà muốn tu trên núi, sẽ rất khó thành tựu. Cho dù quý vị tu trên núi mấy chục năm, chẳng xuống núi, nhưng khi vừa xuống núi liền bị nhiễm ô. Tại vì sao? Vì quý vị chẳng có công phu. Người ta ở thành thị tu luyện công phu được “*như như bất động*”, rồi mới lên tu ở trên núi, thì được, chẳng thể hiểu lầm cái ý nghĩa này.

Trước kia thầy Lý có nói, nhập thất bế quan và ở trên núi tu hành, có hai điều kiện. Khi nãy tôi đã nói điều kiện thứ nhất, họ tu hành đã thành tựu, tức họ đã chứng quả. Sau khi chứng quả thì sao? Thì phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đi khắp nơi giảng dạy, nhưng vì sao họ lại ở trên núi? Vì không có người thỉnh họ. Tự họ chẳng thể nói, ta tu hành đã thành tựu, đã chứng quả rồi, các vị phải nên đến thỉnh ta đi giảng dạy, không thể nói như vậy. Nếu họ nói những lời này, tức họ tự khoe mình, chẳng thể nói như vậy, đó là tâm ngạo mạn, không phải khiêm nhường. Vậy thì phải làm sao? Ở trên núi tu hành, tức là bảo với mọi người rằng, ta tu hành đã thành tựu chứng quả rồi, có thể chẳng cần ở trong thành thị tu luyện công phu vì cái giai đoạn này, ta đã hoàn thành rồi, có thể ở trên núi nhập thất bế quan. Cho nên người xưa kia, khi chưa khai ngộ thì phải đi tham học, họ đi tham học thiện tri thức, ai là thiện tri thức? Thật sự là thiện tri thức sẽ không bao giờ tự họ nói mình là thiện tri thức, mà là tự họ nói “ta không có đức hạnh cũng không có năng lực, ta cái gì cũng chẳng biết”, đó là lời nói khiêm nhường. Cho nên thiện tri thức mới nhập thất bế quan, thiện tri thức mới ở trong hang núi tu hành, thiện tri thức mới ở nơi am tranh. Quý vị đi tìm họ, quý vị có vấn đề gì xin thỉnh giáo với họ, nếu họ không thể chỉ dạy quý vị thì quý vị có thể bảo họ khai quan, thỉnh họ ra ngoài cùng nhau đi tham học vì họ chẳng đủ tư cách nhập thất bế quan. Người xưa kia, khi họ đã chứng quả rồi thì mới nhập thất bế quan.

Loại người thứ hai là họ rất nổi tiếng, mỗi ngày có rất nhiều người đến tìm họ, họ không có thì giờ dụng công tu hành. Chỉ có một cách là tuyên bố nhập thất bế quan thì có thể được, họ nhập thất bế quan, dụng công tu hành. Nếu quý vị không có hai điều kiện này, thì phải cố gắng đi theo đại chúng cùng nhau tu hành. Thế nhưng nhất định phải nhớ kỹ, trước tiên học lễ kính, phải

cung kính tất cả, vậy là đúng rồi. Phải thực hành Đệ Tử Quy, học tập oai nghi, phép tắc bên ngoài tức là giới luật nghi quy, để khai phát chân tâm của mình, đây là công đức. Nếu chỉ chú trọng bề ngoài của giới luật nghi quy, mà trong tâm vẫn còn phân biệt, chấp trước, đó cũng là tu hành, tu cái hạnh gì? Tu hạnh lục đạo, chẳng phải là tu hạnh Bồ Tát, quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi. Nếu trong tâm của quý vị còn có tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị đang tu hạnh tam ác đạo, quý vị chẳng thể không biết điều này. Bề ngoài ra vẻ là người tu hành, thật ra là lừa dối Phật, Bồ Tát, lừa dối chúng sanh, cũng lừa dối mình, quý vị làm sao được thành tựu! Một nguyện lễ kính này, chúng tôi xin giảng đến đây.

- Nguyện thứ hai là “*Xưng tán Như Lai*”. Là ưa thích công đức của Phật, dùng lưỡi vi diệu phát xuất vô tận âm thanh, xưng dương tán thán, gọi là “*xưng tán Như Lai*”. Xưng tán tức là khen ngợi, ai mà chẳng thích người ta khen ngợi mình? Tôi nghĩ mỗi một người đều thích người ta khen ngợi mình. Trước là lễ kính, sau là xưng tán, thế nhưng trong nguyện thứ nhất nói lễ kính chư Phật, nguyện thứ hai, sao không nói xưng tán chư Phật? Mà lại đổi là xưng tán Như Lai? Như Lai và chư Phật có khác biệt hay không? Nếu chẳng có khác biệt, dù đã đổi cũng không có ý nghĩa gì. Đích thật, Như Lai và chư Phật có khác biệt, gọi chư Phật là từ trên Tướng mà nói, cho nên chúng ta phải nhất tâm, cung kính, bình đẳng, đây là nói từ trên Tướng. Như Lai là từ trên Tánh mà nói, nghĩa là khác nhau. Nếu là tương ứng với tánh đức, thì phải xưng tán, phải nên khen ngợi, tại vì sao? Vì để cho số đông đại chúng nhìn thấy mà học tập lẫn nhau. Ví như người này biết hiếu thuận cha mẹ, là gương tốt, đáng được khen ngợi, mọi người phải nên học theo. Tôn kính bậc trưởng bối là gương tốt, thương mến anh em, phục vụ người già, đây đều là việc tốt, cũng tức là người Hoa thường nói Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, Nhân, Ái, Hòa, Bình. Họ thực hiện được những điều này, rất đáng được khen ngợi. Trong Phật pháp nói Thập Thiện Nghiệp, vì Thập Thiện Nghiệp tương ứng với tánh đức nên rất đáng được khen ngợi, còn thập ác nghiệp, thập ác đương nhiên không tương ứng với tánh đức. Một người tạo tác thập ác, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, chúng ta gặp họ, có cần lễ kính hay không? Cần. Cần phải lễ kính, có cần khen ngợi hay không? Không cần. Cho nên ý nghĩa của

Lễ Kính và Xưng Tán khác nhau là ở tại chỗ này.

Người tạo tác ác nghiệp, vì sao chúng ta cần lễ kính họ? Vì họ có Phật tánh, tương lai họ cũng sẽ thành Phật, cho nên chúng ta phải lễ kính họ. Vì sao không khen ngợi họ? Vì nay họ đang hồ đồ, họ đang mê, chúng ta chẳng thể khen ngợi mê mà phải khen ngợi Giác, cho nên lễ kính và xưng tán là có khác biệt. Mọi người đều biết tu dưỡng đạo đức nhân nghĩa, thì thế giới này thanh bình, thì xã hội này được an định. Vào thời xưa ở Trung Hoa, chúng ta đọc trong sách có nói là “*lễ nghĩa chi bang*”, hay nói cách khác, người Hoa đều biết lễ, đều nói nghĩa. Cái gì là nghĩa? Nghĩa là noi theo lý lẽ. Người Hoa nói nhân là thương người, nghĩa là noi theo lý lẽ, cho nên Mạnh Tử nói nhân nghĩa. Nhân là nghĩ đến mình thì nghĩ đến người khác, tự mình không muốn thì đừng cho người khác, tức là khi nghĩ đến mình liền nghĩ đến người khác. Ta chẳng muốn tiếp nhận, ta tuyệt đối chẳng thể cho người khác, ta ưa thích thì người khác cũng ưa thích, ta chán ghét thì người ta cũng chán ghét, đây là nói từ chỗ khởi tâm động niệm. Nghĩa là noi theo lý lẽ, cũng có nghĩa là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đó gọi là nghĩa, khi khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp, dùng lời hiện nay mà nói, tức là giá trị quan của người Hoa. Con người sống trong thế gian này, một đời cầu những gì? Cầu nhân và cầu nghĩa. Đặc sắc và tinh thần của Trung Hoa là nhân và nghĩa, nếu dùng một chữ để nói, chính là chữ hiếu.

Cho nên Trung Hoa là văn hóa hiếu, hiếu thể hiện ra bên ngoài, chính là nhân và nghĩa, nói rõ tường tận, đó chính là ngũ thường, tứ duy, bát đức. Thông thường chúng ta hay dùng mười hai chữ, đó là Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, Nhân, Ái, Hòa, Bình, mười hai chữ này, là giá trị quan của người Hoa, là từ xưa đến nay, mục tiêu tìm cầu của người Hoa, chúng ta suốt đời không rời khỏi cái tiêu chuẩn này, đây gọi là làm người. Trước thời kháng chiến cho đến thời Dân Quốc, vẫn còn tiêu chuẩn này, xã hội lúc đó vẫn còn duy trì được hình thái truyền thống văn hóa này, nhưng sau khi kháng chiến thắng lợi thì không còn nữa. Trong gần nửa thế kỷ này, kể cả những danh từ này cũng không nghe đến, chẳng có người nói, đây là xã hội động loạn, chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh thống khổ, đã quên mất những lời giáo huấn của lão tổ tông. Chúng ta nghĩ xem, những lời giáo huấn của lão

tổ tông, có còn giá trị hay chẳng? Đây là cách nghĩ thông thường của người hiện nay. Trước kia giáo sư Phương Đông Mỹ và thầy Lý thường hay chỉ dạy chúng tôi, những lời giáo huấn của lão tổ tông, có thể truyền đến năm ngàn năm. Quý vị nói nó chẳng có đạo lý hay sao? Nếu nó không có đạo lý, sớm đã bị đào thải rồi, tuyệt đối chẳng bao giờ truyền đến ngày nay, chúng ta nghĩ xem, câu nói này rất có lý. Mấy ngàn năm nay, từng đời truyền xuống, không có nhân tài hay sao? Không có người hiểu hay sao? Nếu những lời giáo huấn của lão tổ tông không có giá trị mà nó vẫn còn truyền xuống hay sao? Không có lý nào như vậy. Thật ra thầy Lý đặc biệt nói với chúng tôi, nếu những thứ không hay, sớm đã bị đào thải hết rồi, chỉ còn giữ lại là phần tinh hoa.

Thầy Lý đã nêu ra thí dụ này, như Lý Bạch, Đỗ Phủ, họ là nhà thơ đời nhà Đường, Hàng Vũ và Liễu Tông Nguyên là nhà đại văn học, họ đã viết rất nhiều văn chương, nay còn giữ lại chỉ có mấy bài, là nguyên nhân gì? Vì không hay, sớm đã bị đào thải, tại vì sao? Vì xưa kia chẳng có kỹ thuật ấn loát, phải dùng tay sao chép, văn chương nào không hay thì chẳng ai chép nó, cho nên người ta chọn rất kỹ lưỡng, bài văn chương nào không hay, họ không chép nó, chẳng cần lãng phí thời gian và tinh thần, cho nên những thứ được chọn giữ lại đều là phần tinh hoa nhất. Thầy Lý nói rõ cho chúng tôi như vậy, rất có lý. Đối với những kinh sách của cổ thánh tiên hiền, khởi lòng cung kính, không sai. Từng đời một cũng đang đào thải, cho nên có người nói, trong văn hóa truyền thống cũng có cái hay, cũng có cái không hay, người nói lời này cần phải bàn bạc, thảo luận. Còn trong tâm của thầy Lý thì nghĩ rằng, những thứ còn giữ lại đều là hay nhất, còn những thứ không hay thì sớm đã bị đào thải hết rồi. Chúng tôi nghĩ rằng, rất là có lý! Cho nên xưng tán là khen ngợi, tương ứng với tánh đức, đó đều là phần tinh hoa nhất, tốt nhất, hay nhất, phải khen ngợi. Những thứ không tương ứng thì chẳng tốt, những thứ không tốt thì không nhắc đến, cái nào tốt thì nên khen ngợi. Đối với người ác, việc ác, chỉ có cung kính mà không khen ngợi, theo cách làm này đích thật có thể cải thiện phong khí xã hội, khiến cho những người tâm hành bất thiện, họ biết cảm thấy xấu hổ. Họ tự cảm thấy ta làm một chút việc tốt, được mọi người khen ngợi, còn khi ta đã làm việc xấu, mọi người đều không nhắc đến, nhưng lại khoan dung tha thứ cho ta, họ sẽ sanh tâm xấu hổ, phát hiện lương tâm,

sửa đổi lỗi lầm. Chẳng cần bắt lỗi họ, nhất là trong thời đại ngày nay, chúng ta nhìn thấy rất nhiều người tâm hành bất thiện, tuyệt đối không nên bắt lỗi họ, tại vì sao? Vì không có người dạy họ.

Phật tại trong kinh Vô Lượng Thọ có nói một câu danh ngôn, chúng ta phải luôn luôn nhớ trong tâm, Phật nói: “*Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức*”, tiên nhân không biết, tiên nhân là ai? Là cha mẹ của họ chẳng có học qua cho nên không biết đạo đức, cha mẹ của họ không biết đạo đức của cổ thánh tiên hiền, vì họ chẳng có học qua, cho nên không ai nói, không có người dạy cho họ. Nay họ đã phạm lỗi lầm, cũng chẳng nên trách họ, nếu quý vị trách họ cũng hơi quá đáng, nếu họ đã học qua, biết được, mà cố ý phạm thì có thể bắt lỗi họ. Nay vì họ chẳng biết, chẳng biết đã phạm lỗi lầm này mà bắt lỗi họ, có lẽ hơi quá đáng, mất đi lòng hậu đạo, đây là những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đối với chúng ta. Vậy phải làm sao đây? Chúng ta phải dạy cho họ, dạy như thế nào? Không phải dùng lời nói, dù có nói họ cũng chẳng tin, mà phải làm ra cái dáng cho họ xem.

Hiện nay đã không nói ngữ luân, không nói ngữ thường, tứ duy, bát đức, họ đều chẳng biết. Chúng ta phải đem luân thường, đạo đức thực hiện cho họ thấy, họ thấy rồi họ sẽ vui mừng. Chúng ta không cần nói, tại vì sao? Vì có nói họ cũng chẳng tin, chúng ta thực hiện cho họ thấy thì họ sẽ tin, họ sẽ hiểu và họ sẽ tiếp nhận, họ cũng sẽ làm theo, đây gọi là khéo dạy. Thầy dạy học phải biết khéo dạy, khéo dạy là gì? Là tự mình làm gương, như Thích Ca Mâu Ni Phật tự mình làm gương, Không Tử và Mạnh Tử tự mình làm gương. Cho nên học trò của các Ngài rất nhiều, học trò đều được thầy cảm hóa, phương pháp giáo dục này có thể gọi là sự giáo dục cảm hóa sâu xa, có được hiệu quả rất tốt. Học trò từng đời từng đời cũng giống như thầy vậy, đều biết được cách giáo dục cảm hóa sâu xa. Cách giáo dục này đã thành công. Nay đức Phật chỉ dạy chúng ta xưng tán Như Lai, dụng ý là ở chỗ này. Thiện Tài đồng tử đi tham học năm mươi ba vị thiện tri thức, Ngài nêu gương tốt nhất cho chúng ta, cũng là tám gương tốt nhất. Bồ Tát tu hành, tu ở đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày. Trong kinh điển đã nêu ra năm mươi ba vị thiện tri thức cho chúng ta thấy, năm mươi ba vị thiện tri thức này có nam, có nữ, có già, có trẻ trong các ngành, các nghề. Quý vị thấy họ hành Bồ Tát đạo như thế nào? Bồ Tát ở

đâu? Bồ Tát ở ngay trong đại chúng, quần chúng, nam, nữ, già, trẻ trong các ngành, các nghề, đó đều là Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử đến thỉnh giáo với họ, theo họ học tập để thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, sự tu học Phật pháp, chẳng có gì khác, chính là trí tuệ chân thật.

Cho nên tu hành phải có tiền vốn, tức là nói quý vị phải có nền tảng, nếu quý vị chẳng có nền tảng, quý vị làm sao cầu pháp? Chúng ta thấy, thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát, Ngài theo thầy đã học được bản lãnh, là bản lãnh gì? Tức là đã giác ngộ, Ngài thật sự đã học được Giác không mê, Chánh không tà, Tịnh không nhiễm, Ngài đã học được Giác - Chánh - Tịnh. Đó là gì? Là Căn Bản Trí. Trong kinh Bát Nhã có nói “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết), cái vô tri đó chính là căn bản trí. Thật tại mà nói, căn bản trí, nói một cách rõ ràng, chính là Giác không mê, Chánh không tà, Tịnh không nhiễm, tức là Tam Quy Y. Sau khi Ngài đã đạt được căn bản trí thì thầy bảo Ngài đi tham học, để thể hiện sự giác ngộ của Ngài, để xem Ngài có phải thật giác ngộ hay không. Không tiếp xúc thì không biết, phải tiếp xúc với tất cả chúng sanh, tiếp xúc với ngũ dục lục trần, thử xem Ngài có bị mê ở trong đó hay không, Ngài thật sự không mê, không tà, không nhiễm, Ngài đã thành công. Cuộc sống là thử thách, phải tiếp xúc với tất cả chúng sanh, trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có sáu vị xuất gia, còn những vị khác đều là tại gia.

Đại sư Thanh Lương, Ngài đem phương pháp tu hành này đặt cho một danh từ, gọi là “*lịch sự luyện tâm*”, “*lịch sự*” là trải qua, quý vị mà không trải qua, tiếp xúc thì làm sao biết được cái tâm của quý vị là Giác- Chánh-Tịnh? Nếu quý vị không có công phu này, hễ vừa tiếp xúc cảnh giới thì liền bị mê, tà, nhiễm. Cho nên đi tham học, chẳng phải người thường mà có thể đi tham học, đi tham học, trong tâm phải có Giác - Chánh - Tịnh. Khi tiếp xúc cảnh giới, vẫn là Giác - Chánh - Tịnh thì quý vị mới có thể đi tham học, nếu không có công phu này thì sao? Thì phải theo học với một vị thầy. Đến lúc nào mới có thể rời khỏi thầy? Xưa kia gọi là xuất sư, từ nơi thầy học thành rồi, hiện nay gọi là tốt nghiệp, tức là quý vị đã học thành rồi có thể đi ra ngoài luyện tập, hiện nay gọi là thực tập. Nếu không trải qua thực tập, chẳng phải thật sự có kiến thức, thật sự có kiến thức, phải trải qua học tập, phải trải qua thực tập.

Khi gặp phải tiền tài, ức vạn tiền tài ở ngay trước mặt, quý vị có động tâm hay không? Quý vị mà còn động tâm là hư rồi, hễ quý vị khởi lòng tham là quý vị đã mê, đã tà rồi, đã bị nhiễm ô rồi, cũng tức là nói, ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh, thực, thù, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ở ngay trước mặt quý vị, trong tâm quý vị vẫn có thể duy trì được Giác - Chánh - Tịnh thì quý vị đã thành Phật. Phải chịu đựng sự thử thách. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, đến sau cùng năm mươi ba tham vấn là đi khảo thí, là đại khảo chẳng phải tiểu khảo, thử xem quý vị là thật hay giả. Chúng ta hãy xem, Thiện Tài đồng tử, theo học với Văn Thù Bồ Tát, Ngài đã thành tựu Giác - Chánh - Tịnh thì thầy bảo Ngài đi tham học để cho Ngài trải qua thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên, thầy đều phải trải qua. Trong quá trình trải qua, thử xem Ngài vẫn có thể duy trì được Giác - Chánh - Tịnh hay không? Ngài đi tham học với các vị thiện tri thức, trước lễ kính, sau khen ngợi. Những vị đại đức thiện tri thức đó, tức là trong năm mươi ba vị thiện tri thức đó, có ba vị Ngài chỉ có lễ kính, không có khen ngợi, đây là hiển thị lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai. Ba vị thiện tri thức đó là những vị nào?

- Vị thứ nhất là Thắng Nhiệt Bà La Môn, Thắng Nhiệt Bà La Môn hiện tướng Si trong tham, sân, si tức là ngu si, Ngài dùng phương pháp này để độ chúng sanh, Ngài có bản lãnh, Ngài hiện tướng ngu si để độ một số người ngu si, Ngài có thể khiến cho số người ngu si đó dần dần được khai ngộ, quả thật là tuyệt diệu! Đây là lấy độc trị độc, cái phương pháp này, chẳng phải người thường mà có thể làm được, phải là người đại trí tuệ mới thị hiện tướng ngu si, gọi là “*đại trí nhược ngu*”, Ngài có thể làm được điều này. Thầy Lý có nói với tôi mấy lần, thầy muốn học ngu si, nhưng học không giống, đó là điều chẳng dễ gì làm được. Cổ nhân nói câu này, trong đó có ý nghĩa rất sâu xa, Thắng Nhiệt Bà La Môn chính là thị hiện “*đại trí nhược ngu*”, Ngài là Phật, như vào thời xưa ở Trung Hoa có Phật sống Tế Công, Ngài điên điên khùng khùng, thật ra Ngài không phải điên khùng, Ngài là bậc A La Hán. Đây là chuyện có thật, tìm xem Cao Tăng Truyện trong Đại Tạng Kinh có nói đến Ngài, chẳng phải truyện Tế Công ở trong tiệm sách bán đó, mà phải xem trong Cao Tăng Truyện có ghi chép, thật có Phật sống Tế Công, Phật sống Tế Công, Ngài dùng phương pháp đó hành Bồ Tát đạo để độ loại chúng sanh đó. Cho nên



Thiện Tài đồng tử đến tham học Thắng Nhiệt Bà La Môn, chỉ có lễ kính, không có khen ngợi. Tại vì sao? Vì không tương ứng với tánh đức. Thế nhưng chúng ta phải biết, tức là trong ngàn ngữ có nói, dùng phương pháp lấy độc trị độc, là để độ một số chúng sanh có nhân duyên đặc biệt.

- Vị thứ hai là Cam Lộ Hòa Vương, vị này thường hay nổi giận, khi nổi giận Ngài muốn giết người cho nên Ngài đại biểu sân giận, sân trong tham, sân, si, là sân giận. Thiện Tài đồng tử cũng đến tham học với Ngài, chỉ có lễ kính, không có khen ngợi. Cam Lộ Hòa Vương nói với Thiện Tài đồng tử Ngài dùng phương pháp này để độ một số người có tâm sân giận, người sân giận, ta còn sân giận hơn người, Ngài dùng phương pháp này để độ người. Còn Thắng Nhiệt Bà La Môn dùng phương pháp ngu si để độ người ngu si, người ngu si, ta còn ngu si hơn người, đây gọi là lấy độc trị độc để giáo hóa chúng sanh. Ngài dùng phương pháp của địa ngục để độ chúng sanh, chúng sanh tạo tác tội nghiệp, đọa vào địa ngục, ở trong địa ngục tiêu nghiệp chướng, sau khi tiêu trừ nghiệp chướng tự họ cảm thấy ngồi trên hoa sen thanh tịnh, đây là phương pháp của Cam Lộ Hòa Vương. Đến gặp Ngài, bước vào cung điện của Ngài thì giống như cảnh địa ngục vậy.

- Vị thứ ba là Bát Tô Mật Đa Nữ là đại biểu tham ái, bà là thân phận gì? Là kỹ nữ. Thiện Tài đồng tử cũng đến tham học với bà, cũng là có lễ kính, không có khen ngợi, tức là tương ứng với tham, sân, si, cũng tương ứng với thập ác, tuyệt đối không khen ngợi, không khuyến khích mọi người tạo ác. Tất cả chư Phật, Bồ Tát, các Ngài có đủ trí tuệ, các Ngài có thần thông quảng đại, thiện xảo phương tiện, các Ngài dùng những phương pháp này để tiếp dẫn chúng sanh, thật chẳng phải là chuyện dễ. Có thể khiến cho một số chúng sanh tham, sân, si chuyển tà quy Chánh, chuyển mê thành Giác, chuyển nhiễm thành Tịnh, thật là phi thường. Nếu các Ngài không có bản lãnh này thì làm sao Thiện Tài đồng tử lại đến tham học với các Ngài?

Thiện Tài đồng tử đi tham học, học được bản lãnh này, sau đó mới có thể phổ độ chúng sanh. Những người tham, sân, si trong lục đạo có không ít, rất nhiều, những người ưa thích chánh đạo, Phật thị hiện dùng phương pháp chánh đạo để tiếp dẫn họ. Phật dùng phương pháp hiếu, đễ, trung, tín để tiếp dẫn họ, những người ưa thích tham, sân, si, mạn thì Phật dùng phương pháp

khác để tiếp dẫn họ, cũng là tiếp dẫn những người hữu duyên, đều là giúp cho họ trồng thiện căn. Đây là lòng đại từ đại bi của Phật. Cho nên chư Phật, Bồ Tát ở khắp mọi nơi, những người ưa thích đánh bài, Ngài sẽ đến sòng bài, người khác đánh bài đều thua tiền, còn các Ngài đánh bài đều ăn tiền, những người đó cũng muốn theo các Ngài học tập, họ học rồi, các Ngài mới dẫn họ vào chánh đạo. Cho nên chư Phật, Bồ Tát dùng phương pháp này để tiếp dẫn họ, các Ngài hiện thân ở khắp mọi nơi, bất cứ lúc nào, chỗ nào. Hiện nay trong thế gian này đang chịu khổ bởi thiên tai và tà tri tà kiến quá nhiều, chư Phật, Bồ Tát có đến thị hiện hay không? Nhất định là có, chúng ta là hạng phàm phu, mắt thịt không nhận biết, nếu không có chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, thì thế gian này sớm đã hủy diệt rồi.

Thế giới có thành, trụ, hoại, không, là do ý niệm của chúng sanh. Thiện niệm của chúng sanh thì thế giới thành trụ, ác niệm của chúng sanh thì thế giới hủy diệt. Ngày nay những người tạo ác quá nhiều mà thế giới này vẫn còn tồn tại, chắc chắn là trong thế gian này có rất nhiều chư Phật, Bồ Tát đến thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Vì sao rất nhiều chúng sanh muốn tạo ác? Vì họ đã mê, chẳng có người dạy họ. Người nào có thể dạy cho họ? Chỉ có những người tánh khí hợp với họ mới có thể dạy cho họ, tại vì sao? Vì để có cơ hội đến gần với họ. Thế nhưng họ thích cờ bạc, thích đánh bài, thích nhảy múa, nhưng họ tuyệt đối chẳng bao giờ đến Phật đường nghe giảng kinh, làm thế nào khiến cho họ đến nghe giảng kinh? Thì Bồ Tát nhất định phải thị hiện đồng loại thân với họ. Người thích nhảy múa, ta cũng thích nhảy múa, người thích cờ bạc, ta cũng thích cờ bạc, đó thì là làm bạn với nhau, Bồ Tát dùng thủ đoạn này để dẫn dắt họ quay đầu. Bồ Tát đã có bản lãnh tức là có trí tuệ, có thần thông, các Ngài có tha tâm thông. Có số người rất dễ dẫn dắt họ quay đầu, họ biết giác ngộ, có số người phải để cho họ chịu hết khổ nạn, họ mới biết giác ngộ, cho nên để cho họ chịu khổ, hết khổ rồi họ mới biết giác ngộ.

Chúng tôi hiểu rõ cái đạo lý này, thấy trong năm mươi ba tham vấn, chúng tôi mới thật sự hiểu rõ, thì ra đọa địa ngục, ngã quỷ, súc sanh không phải là ác nghiệp. Quý vị đã tạo tác những ác nghiệp này, làm thế nào tiêu trừ những ác nghiệp này? Thì phải ở trong tam ác đạo mới tiêu trừ được tội nghiệp

của quý vị, sau khi tiêu trừ tội nghiệp, quý vị mới được ra ngoài. Quý vị ra ngoài, vừa tiếp xúc được Phật pháp thì là rất dễ được giải thoát, nếu không tiêu trừ những ác nghiệp này, dù quý vị có gặp được chư Phật, Bồ Tát, cũng chẳng có cách nào tiêu trừ tội nghiệp. Chẳng phải Phật không chịu dạy quý vị, mà là quý vị chẳng thể tiếp nhận, quý vị vẫn còn nghiệp chướng cản trở, họ nhất định phải giúp cho quý vị tiêu trừ nghiệp chướng, quý vị ở trong tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là tiêu trừ nghiệp chướng (thọ tội). Ở cõi này, quý vị làm việc thiện sẽ có phước báo, cho nên ở nhân thiên hai cõi là để quý vị tiêu phước báo, đạo lý là như vậy.

Cho nên, sau khi thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng tôi mới hoàn toàn hiểu rõ, vì sao lại có lục đạo luân hồi. Cổ nhân có nói một câu là “*tự làm tự chịu*”, đến khi nào quý vị tự tỉnh ngộ, lúc đó Phật, Bồ Tát hiện ra. Quý vị vừa tỉnh ngộ, tức là có cảm, tuy quý vị chẳng có cầu Phật, Bồ Tát, nhưng quý vị đã tỉnh ngộ, đã sáng suốt, biết được làm việc ác là sai, làm việc thiện là đúng, đây là sự cảm ứng hiện tiền. Lúc đó chư Phật, Bồ Tát và đại thánh, đại hiền nhất định đến giúp đỡ cho quý vị, các Ngài đến chỉ dạy cho quý vị. Chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền không phải là thần tiên, các Ngài là những vị có đầy đủ đức hạnh và trí tuệ, các Ngài đến độ hóa quý vị, chỉ dạy quý vị một phương hướng, một mục tiêu, nhưng quý vị phải tự mình đi, các Ngài chẳng thể đi thay cho quý vị.

Ví như trong Phật pháp, Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta là trong kinh điển, năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài đã biết được xã hội ngày nay có rất nhiều đồ giả mạo, đồ giả quá nhiều, cho nên Ngài sớm đã nghĩ đến thời đại hiện nay có Phật pháp giả mạo. Cho nên trước khi Ngài viên tịch, Ngài đã nói rõ với các đệ tử, lúc đó Phật sắp viên tịch thì tôn giả A Nan xin thỉnh giáo với Ngài: “Lúc Phật còn tại thế, chúng con nương theo Phật làm thầy, nếu Phật không còn tại thế, chúng con nương theo ai?” Phật không có chỉ định người nào, Phật chỉ nói hai câu: “*Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy*”.

Quý vị muốn thật sự có thành tựu thì không sợ chịu khổ, phải giữ giới luật, giới luật là hành vi của Phật. Giới luật từ đâu mà có? Đức Thế Tôn trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc của Ngài, chính là giảng dạy, chức nghiệp của Ngài là giáo sư, xử thế, đối người, tiếp vật, đều ghi chép lại thì gọi

là giới luật. Giới luật là hành vi của Phật, kinh luận là trí tuệ của Phật. Phật nói hai câu này, có nghĩa là học Phật phải bắt đầu từ giáo dục mà đắp nền tảng, ngày nay chúng ta học Phật, tuy đã tu học nhưng chẳng có thành tựu. Vì sao chẳng có thành tựu? Vì chúng ta không có nền tảng, tức là đã sơ suất giáo dục nền tảng, giáo dục nền tảng là gì? Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Có bao nhiêu người học Phật là bắt đầu tu học từ Thập Thiện Nghiệp? Thật ra Thập Thiện Nghiệp vẫn chưa đủ, ở dưới Thập Thiện Nghiệp còn có nền tảng khác, nền tảng khác gì? Là Tiểu Thừa.

Phật tại trong kinh có nói “*đệ tử Phật, trước chẳng học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa thì không phải đệ tử Phật*”. Thích Ca Mâu Ni Phật không thừa nhận quý vị nhảy lớp, như quý vị học hành, nhất định từ Tiểu Học đến Trung Học rồi đến Đại Học, thế mới là đúng. Không học Tiểu Học và Trung Học, đòi nhảy lên học Đại Học, không có cái lý này, quý vị nhất định chẳng thể thành công. Cho nên, nay yêu cầu quý vị, trước tiên phải học Tiểu Thừa, kinh điển trong Đại Tạng Kinh của chúng ta truyền đến Trung Hoa, kinh điển Tiểu Thừa được phiên dịch rất là đầy đủ. Phật giáo Nguyên Thủy là Tiểu Thừa, chúng ta hãy xem kinh điển chữ Bali và kinh điển Tiểu Thừa, bốn bộ A Hàm trong Đại Tạng Kinh chữ Hoa mà so sánh. Kinh, luật, luận chữ Bali và chữ Hoa, phân lượng hầu như gần bằng nhau, kinh điển chữ Hoa có gần ba ngàn bộ, còn kinh điển chữ Bali chỉ nhiều hơn khoảng năm mươi bộ, mà kinh điển chữ Hoa được phiên dịch rất đầy đủ. Cho nên ở Trung Hoa vào thời đại Tùy Đường, có hai tông phái Tiểu Thừa là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, hai tông này là nền tảng, nhưng bây giờ không còn nữa, sớm đã không còn truyền thừa.

Vào giữa thời đại nhà Đường về sau, chư tổ sư đại đức chẳng còn học Tiểu Thừa nữa. Không học Tiểu Thừa, thì phải làm sao đây? Họ học Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa, cho nên đã dung hợp văn hóa truyền thống Trung Hoa. Học Phật, nhất định phải học Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa. Những người học Đạo như những vị đạo trưởng, họ cũng học Phật, họ cũng học Nho, còn những người học sách Khổng Tử, họ cũng đọc, cũng học kinh Phật, họ cũng học Đạo. Cho nên trên hình thức thì có ba nhà Nho - Thích - Đạo, mà trên thực tế hợp thành một thể, trên thực tế không phân ra, cả ba đều thông,

đây là đặc sắc văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Chúng ta phải nên biết rõ, chúng ta tu học, phải y theo nguyên tắc chỉ đạo này, mới có hiệu quả, từ thời đại nhà Đường cho đến ngày nay, trong khoảng gần tám trăm năm, thành tích nổi bật có các bậc cao Tăng xuất gia, có hàng cư sĩ, cao sĩ tại gia, có rất nhiều người được thành tựu, vượt hơn Ấn Độ. Đến đời này chúng ta thì lại xảy ra vấn đề, bởi vì không học Tiểu Thừa, cũng chẳng học Nho và Đạo, mới bước vào liền học Đại Thừa cho nên đã học suốt đời mà vẫn chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là ở chỗ này.

Vì vậy chúng tôi trong nhiều năm, ở quốc nội, ở hải ngoại, chú tâm mà quan sát, vì sao người tại gia học Phật, không thể thực hiện được Thập Thiện Nghiệp Đạo, còn người xuất gia học Phật, chẳng giữ được Sa Di Luật Nghi, tổng cương lĩnh Tam Quy Y, chẳng những không làm được mà ý nghĩa Tam Quy Y là gì cũng không biết, tức không hiểu rõ ý nghĩa chân thật của Tam Quy Y. Nguyên nhân này ở tại đâu? Là ở tại, sau khi đời Mãn Thanh mất nước, chúng ta đã lơ là ba cái gốc của văn hóa truyền thống, tuy đã lơ là, nhưng nó vẫn còn ảnh hưởng đến năm Dân Quốc thứ hai mươi. Sau năm Dân Quốc thứ hai mươi, dần dần chẳng còn chú trọng tới, sau khi Trung Nhật chiến tranh, tám năm kháng chiến, thì hoàn toàn chẳng còn nữa. Theo trong văn hóa mà nói, là một tổn thất rất lớn lao, cho nên ngày nay chúng ta, bất luận là học Nho, học Phật hay học Đạo, cũng không sao sánh bằng với cổ nhân. Không cần nói đến thời xa xưa, nếu so với người vào năm đầu Dân Quốc, cũng chẳng sánh bằng với họ, còn kém rất xa, vào thời đó người ta đều có nền tảng này, cho nên bất luận họ tu học pháp môn nào, họ cũng được thành tựu.

Trong xã hội ngày nay, đại sư Ấn Quang, Ngài đây là bậc đại đức trong Phật giáo, Ngài suốt đời cực lực đề xướng giáo dục nhân quả, trước kia chúng tôi nghĩ rằng cách làm của Ngài chẳng có gì là quan trọng, đến bây giờ chúng tôi mới hoàn toàn hiểu rõ, lòng đại từ bi của Ngài. Chúng tôi có được một kết luận, nếu như con người tiếp nhận sự giáo dục luân lý, đạo đức, họ không dám làm việc ác. Tại vì sao? Vì họ có tâm xấu hổ, họ biết lẽ, nghĩa, liêm, sĩ, nếu họ làm việc ác sẽ cảm thấy xấu hổ, cho nên họ chẳng bao giờ làm việc ác. Xấu hổ với việc ác, nếu con người biết được đạo lý, sự thật của nhân quả báo ứng, họ chẳng dám làm việc ác, tại vì sao? Vì sẽ có báo ứng. Cho nên ở Trung

Hoa mấy ngàn năm qua, chính là nhờ hai thứ giáo dục này mới duy trì được sự an toàn xã hội, mấy ngàn năm qua, vì sao trị an được lâu dài? Chính là nhờ có sự giáo dục này. Mà sự giáo dục của Phật là xây dựng trên cái nền tảng này, nếu không có luân lý, đạo đức, chẳng có nhân quả thì cũng không có Phật pháp.

Giống như xây cất nhà lầu vậy, tầng thứ nhất là Đệ Tử Quy, tầng thứ hai là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, tầng thứ ba là Thập Thiện Nghiệp Đạo, cho nên nếu chẳng có hai tầng phía dưới sẽ không thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, chỉ là chạy theo hình thức. Nay chúng ta đã tìm được nguyên nhân này, khi đã tìm được rồi là phải cực lực đề xướng đắp vững ba cái gốc này. Khi đã đắp vững ba cái gốc này, bất luận quý vị học pháp nào, quý vị học Nho thì thành thánh, thành hiền, quý vị học đạo thì thành thần tiên, quý vị học Phật thì được thành Phật, thành Bồ Tát, đều được thành tựu. Chúng ta chẳng thể không biết điều này, chẳng thể không chú trọng, trước kia không học, bây giờ gấp rút học bỏ tức, sau khi học xong bỏ tức, vẫn có thể được thành tựu.

Đắp vững ba cái gốc này, phải mất bao lâu thời gian? Nếu thật sự mà làm, chỉ cần một năm là đủ rồi, chúng ta có thể đắp vững nền tảng này trong thời gian một năm. Về sau chúng ta tu học, mức tiến bộ đó rất là thuận buồm xuôi gió. Có người hỏi tôi, làm thế nào mới có thể phục hưng Nho - Thích - Đạo? Muốn phục hưng Nho - Thích - Đạo thì phải có đức hạnh, ba cái gốc là đức hạnh, quý vị phải tu dưỡng đức hạnh. Hiện nay tìm không được thầy, chẳng có người chỉ dạy quý vị, vậy quý vị làm sao biết cách tu học? Cổ thánh tiên hiền để lại số kinh điển, toàn là văn Văn Ngôn, tức là cổ văn, tuy hiện nay có người đem nó dịch thành văn Bạch Thoại, dịch thành văn Bạch Thoại là đã thay đổi ý nghĩa, không phải ý nghĩa nguyên thủy. Nếu quý vị thật sự muốn thành tựu, quý vị phải hiểu ý nghĩa nguyên thủy mới được, làm thế nào hiểu được ý nghĩa nguyên thủy? Thì quý vị phải học văn Văn Ngôn, quý vị chẳng biết văn Văn Ngôn, quý vị chẳng có khả năng đọc xem kinh điển của cổ thánh tiên hiền để lại. Phải học văn Văn Ngôn như thế nào? Phải học thuộc lòng văn Văn Ngôn, và phải biết giảng giải văn Văn Ngôn. Học thuộc lòng, quý vị phải tìm sách loại chữ đánh vần chữ Hán, ở Đài Loan có sách loại chữ phù

hiệu chú âm, rất dễ học, quý vị có thể đọc xem. Trước tiên quý vị phải đọc thuộc lòng, sau đó phải giải thích từng chữ, từng câu cho rõ ràng.

Trước kia, thầy Lý có dạy tôi, phải đọc thuộc lòng năm mươi bài cổ văn thì mới có khả năng đọc xem, hay nói cách khác, quý vị có khả năng đọc xem những kinh điển của ba nhà Nho - Thích - Đạo, phải mất thời gian một năm. Một tuần học một bài, năm mươi tuần học năm mươi bài, dùng công phu một năm, quý vị có khả năng đọc xem văn Văn Ngôn. Nếu dùng công phu hai năm, thầy Lý có nói, quý vị mà đọc thuộc lòng một trăm bài cổ văn, có thể có khả năng viết văn Văn Ngôn. Văn Văn Ngôn là chìa khóa của Đại Tạng Kinh, cũng là chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư, quý vị mà lấy được cái chìa khóa này thì tất cả kinh điển chính là tài sản văn hóa của quý vị. Nếu chẳng lấy được chìa khóa này, cho dù có tất cả kinh điển để ở trong nhà, cũng vô ích, quý vị xem không hiểu. Cho nên phải có đủ ba cái gốc, cộng thêm một trăm bài cổ văn, chỉ cần thời gian ba năm, quý vị có thể lấy được chìa khóa này. Tôi đem chuyện này nói với thầy Thái, thầy nghe rồi rất vui mừng, thầy nói thầy sẽ phát tâm học một trăm bài cổ văn và phải giảng giải. Tôi nói vậy thì quá hay, tìm một vài người chí đồng đạo hợp, cùng nhau một tuần học một bài.

Chỉ định một bài văn chương nào trước tiên để cho mọi người đọc, không cần cùng nhau đọc, mỗi cá nhân tự đọc, phải đọc cho thuộc lòng, sau đó dùng thời gian một hay hai ngày để giảng giải, mọi người cùng chung với nhau học tập, thầy Lý giảng giải cho mọi người nghe. Một tuần học một bài, chỉ cần hai năm mọi người đều lấy được cái chìa khóa này, đây là việc tốt. Không thể nhờ vào phần phiên dịch của văn Bạch Thoại, nếu cứ nhờ vào phần phiên dịch của văn Bạch Thoại, quý vị chẳng bao giờ có khả năng đọc xem tác phẩm của cổ nhân. Đối với chúng ta mà nói, phát tâm học tập kinh điển của thánh hiền là một phương pháp rất là cần thiết, quý vị thật sự muốn thành tựu, chỉ cần dùng công phu ba năm. Năm đầu tu dưỡng đức hạnh, tức là nhất định phải thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, ba quyển kinh sách này, chẳng phải để đọc, chẳng phải học thuộc lòng, mà là phải thực hành, thật sự mà thực hành được, quý vị sẽ có nền tảng của thánh hiền, có điều kiện học theo thánh hiền.

Trong cuộc sống hằng ngày, phải chú trọng lễ kính, lễ kính rất là quan

trọng. Khi đã biết xưng tán, tiêu chuẩn của xưng tán, quý vị đã rõ ràng minh bạch, tương ứng với tánh đức thì xưng tán, không tương ứng với tánh đức thì không nhắc đến, chỉ có lễ kính và cúng dường nhưng không xưng tán. Cúng dường là bình đẳng, lễ kính cũng là bình đẳng, nay chúng ta đã biết tiêu chuẩn của xưng tán, thì phải hết lòng mà tu học. Chư cổ đức có nói “*ẩn ác dương thiện*”, có nghĩa là không nói điều ác của người ta, cũng không nên để trong tâm, phải nên khen ngợi điều tốt của người ta, phải biểu dương. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật.